

Bản án số: **108/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-4-2023.

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Hoàng

ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Võ Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

2. Bị đơn: ông Nguyễn V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

Tất cả đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2007, tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, ông V thường xuyên đánh đập bà vô cớ, không lo làm kiếm tiền, không có trách nhiệm với vợ con, ông V còn ham chơi cờ bạc. Từ lâu, vợ chồng bà đã không sống

chung, bà cùng các con về nhà mẹ đẻ. Hiện bà đang làm ở Đà Nẵng, để gửi tiền về nuôi 02 con, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn V.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phước Kh, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Phước Nguyên, sinh ngày 18/10/2017. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/11/2022, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 22/02/2023, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị T. Vợ chồng ông kết hôn hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông thấy vợ chồng nào cũng cãi vã, xô xát, chưa đến mức phải ly hôn. Nay bà Võ Thị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như bà T trình bày. Khi ly hôn, nguyện vọng của ông được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước Kh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn V; về con chung: giao 02 cháu là Nguyễn Phước Kh, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Phước Nguyên, sinh ngày 18/10/2017 cho bà Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án các bên không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Nguyễn V có địa chỉ cư trú tại thôn B, xã B, huyện Thăng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Nguyễn V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam vào ngày 02/11/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà T và ông V chung sống không hạnh phúc. Theo bà T, nguyên nhân là do ông V ham chơi, cờ bạc không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, mẹ con bà đã về ở nhà mẹ ruột từ khi bà sinh con nhỏ vào năm 2017. Hiện nay, bà V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V cho rằng các con còn nhỏ, nên không muốn ly hôn. Tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông V, nên ông đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông V theo quy định tại các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: bà T và ông V đều có quyền ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy hai cháu Nguyễn Phước Kh, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Phước Nguyên, sinh ngày 18/10/2017, hiện nay đều ở chung với mẹ và bà ngoại, ông V chỉ thỉnh thoảng ghé thăm và cho tiền các con. Cháu Nguyễn Phước Kh năm nay 15 tuổi có nguyện vọng, bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Phước Ng đang ở độ tuổi còn nhỏ, cần thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ mới đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý, hiện nay thu nhập của bà T gần 7.000.000 đồng/ tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu, thu nhập của ông V không ổn định và ông V còn mắc thêm bệnh tiểu đường, đau cột sống hạn chế khả năng lao động. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống hằng ngày của các cháu vì hai cháu đã sống chung với mẹ và bà ngoại từ năm 2017 đến nay, nên Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Kh và Ng cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53,

Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Nguyễn V về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn V.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là Nguyễn Phước Kh, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Phước Ng, sinh ngày 18/10/2017 cho bà Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: bà Võ Thị T tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006055 ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã B, huyện Thăng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Mỹ Trinh

